

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 254/2023/DS-PT
Ngày 15 – 8 – 2023
V/v tranh chấp thừa kế quyền sử dụng
đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán:

Ông Đỗ Cao Khánh

Ông Dương Hùng Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Màu – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 149/2023/TLPT-DS ngày 09 tháng 5 năm 2023 về việc tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2023/DS-ST ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:113/2023/QĐ-PT ngày 29 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Đinh Hoàng V1, sinh năm 1981 (Có mặt);

2. Ông Ngô Vũ N1, sinh năm 1997 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh C ..

3. Ông Đinh Hoàng T2, sinh năm 1999 (Vắng mặt);

4. Ông Đinh Hoàng V2, sinh năm 1997 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Ô, xã V, huyện N, tỉnh C ..

5. Ông Ngô Vũ K, sinh năm 1990 (Vắng mặt);

6. Ông Đinh Hoàng D1, sinh năm 1969 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: phường 3, quận 8, Thành phố H.

7. Bà Đinh Hoàng P1, sinh năm 1972 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: phường A, quận T, Thành phố H.

8. Ông Đinh Hoàng T1, sinh năm 1969 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: phường 1, quận 10, Thành phố H.

9. Ông Đinh Hoàng L1, sinh năm 1989 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã M, huyện M, tỉnh V ..

10. Ông Đinh Hoàng H1, sinh năm 1986 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Số 4/37, Phường Tá Chu, phường An Lạc, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Đinh Hoàng T2, ông Đinh Hoàng V2, ông Ngô Vũ N1, ông Ngô Vũ K, bà Đinh Hoàng P1, ông Đinh Hoàng D1, ông Đinh Hoàng T1, ông Đinh Hoàng L1 và ông Đinh Hoàng H1: Ông Đinh Hoàng V1 (là nguyên đơn trong vụ án).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đinh Hoàng V1: Ông Đặng Minh H3, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Đặng Minh H3 – thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Đinh Hoàng P2, sinh năm 1976 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh C ..

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trịnh Thị B, sinh năm 1947;

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà B: Ông Đinh Hoàng P2 (Có mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh C ..

2. Bà Phạm Thị N2, sinh năm 1980 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh C ..

3. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh C (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 9, thị t, huyện T, tỉnh C ..

4. Bà Đinh Hoàng D2, sinh năm 1985 (Vắng mặt);

5. Bà Đinh Thị Tú C2, sinh năm 1995 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp N, thị t, huyện C, tỉnh H ..

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Đinh Hoàng D2, bà Đinh Thị Tú C2: Ông Đinh Hoàng P2 (là bị đơn trong vụ án).

6. Ông Đinh Hoàng G, sinh năm 2002 (Vắng mặt);

7. Bà Chung Thị M3, sinh năm 1968 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Ô, xã V, huyện N, tỉnh C ..

8. Ông Trương Công L2, sinh năm 1972 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Khóm 10, thị t, huyện T, tỉnh C ..

9. Ông Ngô Việt N3, sinh năm 1966 (Vắng mặt);

10. Bà Ngô Thị N4, sinh năm 1979 (Vắng mặt);

11. Ông Lý Minh T3, sinh năm 1971 (Vắng mặt);

12. Ông Lý Hoàng M2, sinh năm 2000 (Vắng mặt);

13. Bà Lý Thảo N5 (Vắng mặt);

14. Bà Trần Thúy D3, sinh năm 2004 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh C ..

- *Người kháng cáo:* Ông Đinh Hoàng V1, ông Đinh Hoàng T2, ông Đinh Hoàng V2, ông Ngô Vũ N1, ông Ngô Vũ K, bà Đinh Hoàng P1, ông Đinh Hoàng D1, ông Đinh Hoàng T1, ông Đinh Hoàng L1 và ông Đinh Hoàng H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện của các nguyên đơn ông Đinh Hoàng V1, ông Đinh Hoàng T2, ông Đinh Hoàng V2, ông Ngô Vũ N1, ông Ngô Vũ K, bà Đinh Hoàng P1, ông Đinh Hoàng D1, ông Đinh Hoàng T1, ông Đinh Hoàng L1, ông Đinh Hoàng H1 và quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của các đồng nguyên đơn trình bày:*

Ông Đinh Văn Cháp chung sống cùng bà Lê Thị Sen sinh ra 06 người con gồm: Bà Đinh Hoàng Thủy, ông Đinh Hoàng D1, ông Đinh Hoàng Hùng, bà Đinh Hoàng P1, ông Đinh Hoàng T1, bà Đinh Hoàng Hoa. Năm 1974, ông Đinh Văn Cháp và bà Lê Thị Sen tự chấm dứt mối quan hệ hôn nhân và đến ngày 21/4/2007 bà Lê Thị Sen chết, cha mẹ bà Sen đều đã chết.

Bà Đinh Hoàng Thủy chết vào năm 2015, bà Thủy có hai người con tên Ngô Vũ N1 và Ngô Vũ K, chồng bà Thủy tên Ngô Việt N3.

Ông Đinh Hoàng Hùng chết vào năm 2014, ông Hùng có ba người con tên Đinh Hoàng T2, Đinh Hoàng V2 và Đinh Hoàng G, vợ ông Hùng tên Chung Thị M3.

Bà Đinh Hoàng Hoa chết không xác định được thời gian, bà Hoa không có chồng con.

Đến năm 1975, ông Đinh Văn Cháp chung sống cùng bà Trịnh Thị B và sinh được 06 người con gồm: ông Đinh Hoàng P2, ông Đinh Hoàng V1, ông Đinh Hoàng H1, ông Đinh Hoàng L1, bà Đinh Hoàng D2, bà Đinh Thị Tú C2. Cha và mẹ của ông Đinh Văn Cháp đều đã chết trước ông Cháp.

Năm 2010, ông Cháp chết và để lại phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 36.000m² tại ấp Tân Hòa, xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời hiện do ông Đinh Hoàng P2 cùng bà Phạm Thị N2 quản lý, sử dụng và theo đo đạc thực tế là 40.738,7m² (trong đó gồm đất ở tại nông thôn 300m² và trồng cây lâu năm 6.037,7m², đất còn lại là nuôi trồng thủy sản), nguồn gốc đất là do ông Đinh Văn Cháp và bà Trịnh Thị B khai phá.

Ông Đinh Văn Cháp chết nhưng không để lại di chúc, nên các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế đối với $\frac{1}{2}$ phần diện tích đất theo đo đạc thực tế 40.738,7m² (trong đó gồm đất ở tại nông thôn 300m² và trồng cây lâu năm 6.037,7m², đất còn lại là nuôi trồng thủy sản) và thống nhất dành 1.000m² đất trồng cây lâu năm để làm nơi chôn cất, xây dựng nhà mồ, phần còn lại chia đều cho những người thuộc hàng thừa kế của ông Đinh Văn Cháp, $\frac{1}{2}$ diện tích đất còn lại là của bà Trịnh Thị B được sử dụng nên không yêu cầu chia. Tài sản nhà và cây trồng trên đất các nguyên đơn không yêu cầu chia, đây là tài sản của bà B nên bà B có quyền sở hữu. Về cống xỏ

nước trên đất hiện tại giá trị sử dụng còn lại không đáng kể nên các nguyên đơn không yêu cầu.

Riêng phần đất theo thửa số 2,6,7 diện tích 576,9m² theo trích đo hiện trạng ngày 26/7/2022 giáp ranh với bà Đinh Hoàng Thủy, các nguyên đơn không yêu cầu.

Các nguyên đơn thống nhất xác định giá trị quyền sử dụng đất tính chung cho tất cả loại đất 1.000m² = 70.000.000 đồng, các nguyên đơn yêu cầu chia đất để sử dụng.

- Theo ông Đinh Hoàng P2 trình bày:

Bà Trịnh Thị B và ông Đinh Văn Cháp chung sống có 06 người con gồm: Ông Đinh Hoàng P2, ông Đinh Hoàng V1, ông Đinh Hoàng H1, ông Đinh Hoàng L1, bà Đinh Hoàng D2, bà Đinh Thị Tú C2. Ông Đinh Văn Cháp sống chung với bà Lê Thị Sen có bao nhiêu người con ông không rõ.

Khi ông Đinh Văn Cháp chết có để lại di chúc là quyền nhậm ký, ông Đinh Hoàng H1 xác nhận là ông Đinh Văn Cháp chết có để lại di chúc do nguyên đơn giữ.

Nguồn gốc đất yêu cầu chia thừa kế là tài sản giữa ông với ông Đinh Văn Cháp và bà Trịnh Thị B tạo lập, sau đó ông Cháp ủy quyền lại cho bà B, trên phần đất hiện nay có căn nhà của vợ chồng ông xây dựng. Từ năm 2018 đến nay, ông cùng vợ là bà Phạm Thị N2 quản lý sử dụng toàn bộ phần diện tích đất đang có yêu cầu, quá trình sử dụng đất có đầu tư cải tạo, đào kênh mương phục vụ sản xuất.

Năm 2005, ông Cháp vay của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 23.000.000 đồng, nợ và lãi liên tục 10 năm không trả, đến năm 2008 ông xuất vàng ra trả lãi với số vốn lãi tương đương 10 lượng vàng 24k (vàng này ông đưa cho mẹ ông là bà B trả). Năm 2009, ông Cháp tiếp tục vay tiền Ngân hàng nông nghiệp, nhưng không biết cụ thể bao nhiêu, năm 2010 ông Cháp chết, đến năm 2014 ông xuất vàng ra trả lãi và vốn tương đương với 05 lượng vàng 24k (vàng này ông đưa cho mẹ ông là bà B trả). Năm 2014, bà B và ông V1 tiếp tục vay tiền Ngân hàng nông nghiệp, nhưng không biết cụ thể bao nhiêu, đến năm 2018 ông xuất tiền ra trả lãi và vốn khoảng 230.000.000 đồng. Ngoài ra, ông Cháp còn nợ những cá nhân bên ngoài, ông cũng đã xuất tiền ra trả xong.

Ông Đinh Hoàng P2 thống nhất xác định giá trị quyền sử dụng đất tính chung cho tất cả loại đất 1.000m² = 70.000.000 đồng, nếu xác định di chúc không hợp pháp thì ông đồng ý chia thừa kế theo pháp luật nhưng chia theo giá trị vì vợ chồng ông đã đầu tư rất nhiều công sức và chi phí.

- Theo bà Phạm Thị N2 trình bày:

Thống nhất với toàn bộ lời trình bày của ông Đinh Hoàng P2.

- Theo bà Chung Thị M3 trình bày:

Bà là vợ của ông Đinh Hoàng Hùng (con của ông Cháp và bà Sen), bà không có yêu cầu độc lập trong vụ án, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Theo bà Trịnh Thị B, bà Đinh Hoàng D2 và bà Đinh Thị Tú C2 trình bày:

Yêu cầu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế của các nguyên đơn là không hợp lý, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của các nguyên đơn.

- Theo ông Trương Công L2 trình bày:

Vào tháng 8/2018, ông Đinh Hoàng P2 gặp khó khăn nên có cầm cố cho ông phần diện tích đất tại ấp Tân Hòa, xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau hiện đang có yêu cầu chia thừa kế, giá cầm cố 1.500.000.000 đồng, thời hạn 10 năm, sau khi nhận cố phần đất ông cho ông P2 thuê mượn lại phần đất với giá mỗi năm 50.000.000 đồng, hợp đồng chưa hết hạn nên ông không chấp nhận việc cắt đất để chia thừa kế.

- Đối với ông Ngô Việt N3, bà Ngô Thị N4, ông Lý Minh T3, ông Lý Hoàng M2, bà Lý Thảo N5 và bà Trần Thúy D3 đều xác định không có yêu cầu gì trong vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2023/DS-ST ngày 31 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn về việc chia thừa kế quyền sử dụng đất, nhưng được tính theo giá trị đề chia.

Ông Đinh Hoàng P2 được sử dụng phần diện tích đất yêu cầu chia thừa kế theo đo đạc thực tế 19.369,35m² tại ấp Tân Hòa, xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nằm trong phần diện tích thể hiện theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được điều chỉnh tên Đinh Hoàng P2 hiện do ông P2 quản lý, sử dụng.

Đối với tài sản có trên đất hiện do ông P2 quản lý, do không có yêu cầu và không buộc giao đất nên không xem xét xử lý.

Ông Đinh Hoàng P2 được hưởng một phần di sản trong phần diện tích đất 19.369,35m² yêu cầu chia thừa kế có giá trị 106.088.000 đồng.

Ông Đinh Hoàng P2 có nghĩa vụ giao trả cho những người hưởng di sản thừa kế có yêu cầu gồm:

Ông Đinh Hoàng V1 số tiền 106.088.000 đồng.

Ông Đinh Hoàng T2 và ông Đinh Hoàng V2 số tiền 106.088.000 đồng.

Ông Ngô Vũ N1 và ông Ngô Vũ K số tiền 106.088.000 đồng.

Bà Đinh Hoàng P1 số tiền 106.088.000 đồng.

Ông Đinh Hoàng D1 số tiền 106.088.000 đồng.

Ông Đinh Hoàng T1 số tiền 106.088.000 đồng.

Ông Đinh Hoàng L1 số tiền 106.088.000 đồng.

Ông Đinh Hoàng H1 số tiền 106.088.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng của đương sự.

Ngày 07/3/2023, ông Đinh Hoàng V1, ông Đinh Hoàng T2, ông Đinh Hoàng V2, ông Ngô Vũ N1, ông Ngô Vũ K, bà Đinh Hoàng P1, ông Đinh Hoàng D1, ông Đinh Hoàng T1, ông Đinh Hoàng L1 và ông Đinh Hoàng H1 có đơn kháng cáo,

yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm, không chấp nhận công sức gìn giữ, tôn tạo đất cho ông P2, bà N2; chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, huỷ điều chỉnh thông tin QSDĐ tại trang 4 giấy chứng nhận QSDĐ tên bà Trịnh Thị B và tên ông Đinh Hoàng P2, chia QSDĐ ra thành 12 phần mỗi người được hưởng phần diện tích 1.614,11m², yêu cầu được nhận đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đinh Hoàng V1 giữ nguyên kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Luật sư Hải phát biểu: Án sơ thẩm tính công sức gìn giữ, tôn tạo đất cho ông P2 là không phù hợp, vì ông P2 đầu tư cải tạo đất canh tác thu lợi thì ông P2 được hưởng; hơn nữa, ông L2 là người đầu tư cải tạo chứ không phải là ông P2. Yêu cầu xem xét lại phần chi phí tố tụng mà án sơ thẩm buộc các nguyên đơn phải chịu. Đối với diện tích đất 1.000m² các bên thống nhất chưa ra để làm nhà mô, do ông P2 ngăn cản ông V1 vào thăm viếng mộ, nên giao cho ông V1 quản lý. Về kỹ phân thừa kế, các nguyên đơn thống nhất giao cho ông V1 quản lý sử dụng, ông V1 hiện nay không có đất, nên yêu cầu giao bằng diện tích đất cho ông V1 và các nguyên đơn.

Ông V1 không có ý kiến tranh luận.

Ông P2 phát biểu: Ông không có rào khu mộ mã không cho anh em vào; phần đất tranh chấp hiện không có mặt tiền, chỉ là đất ruộng, tiền làm lộ do ông nộp; ông có công đầu tư cải tạo rất lớn trên phần đất, ông đồng ý chia bằng giá trị chứ không đồng ý chia bằng diện tích đất.

Bà N2 không có ý kiến tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Đinh Hoàng T2, ông Đinh Hoàng V2, ông Ngô Vũ N1, ông Ngô Vũ K, bà Đinh Hoàng P1, ông Đinh Hoàng D1, ông Đinh Hoàng T1, ông Đinh Hoàng L1 và ông Đinh Hoàng H1, ông Đinh Hoàng V1; sửa bản án sơ thẩm: Trong tổng diện tích đất được trừ diện tích khu nền mộ 1.000m² và lối đi vào khu mộ 92m², còn lại phân chia 1/2 là của bà B, 1/2 là của ông Cháp; phần đất của ông Cháp được chia 12 kỹ phần bằng nhau nhưng chia bằng giá trị đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của ông Đinh Hoàng T2, ông Đinh Hoàng V2, ông Ngô Vũ N1, ông Ngô Vũ K, bà Đinh Hoàng P1, ông Đinh Hoàng D1, ông Đinh Hoàng T1, ông Đinh Hoàng L1 và ông Đinh Hoàng H1, ông Đinh Hoàng V1, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thừa nhận phần đất tranh chấp yêu cầu chia thừa kế tại ấp Tân Hòa, xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời có nguồn gốc là của ông Đinh Văn Cháp và bà Trịnh Thị B tạo lập. Do ông Cháp chết không để lại di chúc, phần đất do ông P2 quản lý, nên các nguyên đơn khởi kiện

yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần diện tích đất là di sản của ông Cháp để lại. Ông P2 đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của các nguyên đơn.

[2] Theo Bản trích đo hiện trạng ngày 26/7/2022 của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Cà Mau thể hiện tổng diện tích khu đất là 41.315,6m²; trong đó có phần diện tích giáp ranh với đất Đình Hoàng Thủy (thửa 2,6,7) diện tích 579,6m² các đương sự thống nhất không đặt ra yêu cầu xem xét, nên phần diện tích đất còn lại được xác định của ông Cháp và bà B là 40.738,7m² (trong đó gồm đất ở tại nông thôn 300m² và trồng cây lâu năm 6.037,7m², đất còn lại là nuôi trồng thủy sản). Trong phần diện tích 40.738,7m² được trừ ra diện tích 1.000m² là khu nền mộ (được tính từ điểm M12,M13,M14 đo trở qua M15, M16) và lối đi từ lộ bê tông vào khu nền mộ (tính từ điểm M11, M12 dài 30,65m đo trở qua M16, N17 ngang 3m) diện tích bằng 91,95m², tổng diện tích khu nền mộ và lối đi vào khu mộ là 1.091,95m²; diện tích còn lại là 39.646,75m². Các đương sự thống nhất phần đất là của ông Cháp và bà B tạo lập, nên ông Cháp và bà B mỗi người ½ diện tích bằng 19.823,38m². Đối với phần diện tích đất của bà B 19.823,38m², hiện nay ông P2 đang quản lý sử dụng, bà B không đặt ra yêu cầu gì và cũng không có tranh chấp nên không đặt ra xem xét.

[3] Đối với phần diện tích đất 19.823,38m² là di sản của ông Cháp được phân chia cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Cháp gồm: Bà Trịnh Thị B (vợ ông Cháp) và các con của ông Cháp là bà Đình Hoàng Thủy, ông Đình Hoàng D1, ông Đình Hoàng Hùng, bà Đình Hoàng P1, ông Đình Hoàng T1, ông Đình Hoàng P2, ông Đình Hoàng V1, ông Đình Hoàng H1, ông Đình Hoàng L1, bà Đình Hoàng D2, bà Đình Thị Tú C2, tổng số là 12 người, do chia theo quy định pháp luật nên mỗi người được hưởng kỷ phần bằng nhau, bằng 1.651,95m² (19.823,38m² : 12 kỷ phần = 1.651,95m²).

[3] Đối với các yêu cầu của nguyên đơn có yêu cầu nhận đất, nhưng xét thấy phần đất hiện nay sử dụng nuôi trồng thủy sản, nhưng kỷ phần được chia diện tích không lớn, không đảm bảo cho việc bao ví để thuận tiện cho việc canh tác nuôi trồng thủy sản. Hơn nữa, đối với các nguyên đơn như ông Đình Hoàng T2, ông Đình Hoàng V2, ông Ngô Vũ K, ông Đình Hoàng D1, bà Đình Hoàng P1, ông Đình Hoàng T1, ông Đình Hoàng L1, ông Đình Hoàng H1 hiện nay không sinh sống tại địa phương mà sinh sống ở những địa phương khác, không đảm bảo cho việc quản lý sử dụng đất và cũng không có nhu cầu sử dụng đất; đối với ông Ngô Vũ N1, mặc dù sinh sống tại địa phương nhưng cũng không có nhu cầu sử dụng đất. Do đó, xét thấy không nhất thiết phải phân chia cho các nguyên đơn nhận bằng diện tích đất, mà phân chia cho các nguyên đơn nhận bằng giá trị đất là phù hợp.

[4] Theo giá trị đất do các đương sự thống nhất 1.000m² tính chung cho tất cả các loại đất bằng 70.000.000 đồng (bằng 70.000 đồng/m²); như vậy diện tích 19.823,38m² có giá trị 1.387.636.600 đồng (19.823,38m² x 70.000 đồng/m² = 1.387.636.600 đồng). Tuy nhiên, thời gian ông P2 cùng vợ là bà Phạm Thị N2 quản lý, sử dụng đối với phần diện tích đất yêu cầu chia thừa kế từ năm 2018, đã có công gìn giữ, tôn tạo nên cần tính một phần giá trị tương ứng với công sức của ông P2 và bà N2 đã bỏ ra trong thời gian 05 năm (tính từ năm 2018 đến nay) mỗi năm tính cho

mỗi người là 5.000.000 đồng x 5 năm x 2 người = 50.000.000 đồng và sẽ được đối trừ trong phần giá trị di sản chia thừa kế.

[5] Thời gian ông Cháp và bà B chung sống, có căn cứ chứng minh ông Cháp và bà B vay nợ tại Ngân hàng, qua đối chiếu tài liệu do Ngân hàng cung cấp thể hiện khoản nợ chung của ông Cháp và bà B vay đến ngày 30/7/2010 số tiền gốc là 55.000.000 đồng, vì thời điểm này ông Cháp vẫn còn sống. Đến ngày 05/9/2011 mới thực hiện tất toán khoản nợ này và tổng số tiền trả là 55.000.000 đồng tiền gốc và 10.605.069 đồng tiền lãi. Do đây là nợ chung của ông Cháp và bà B nên ông Cháp phải có nghĩa vụ thực hiện $\frac{1}{2}$ khoản nợ vay tại Ngân hàng tính đến thời điểm tất toán nợ ngày 05/9/2011 là 32.803.000 đồng (65.605.069 đồng : 2). Do phần nợ này ông P2 đã trả nên được đối trừ trong phần di sản của ông Cháp chết để lại.

[6] Như vậy, phần đất diện tích 19.823,38m² yêu cầu chia thừa kế có giá trị 1.387.636.600 đồng được trừ 50.000.000 đồng công sức gìn giữ, tôn tạo của ông P2 và bà N2 cùng với khoản nợ 32.803.000 đồng ông Cháp phải thực hiện thì phần di sản còn lại là 1.304.833.600 đồng; được chia đều cho 12 kỷ phần, mỗi kỷ phần được nhận là 108.736.000 đồng (1.304.833.600 đồng : 12 = 108.736.133 đồng (tính tròn số 108.736.000 đồng) và buộc ông P2 có nghĩa vụ giao cho các nguyên đơn.

[7] Bà Đinh Hoàng Thủy chết vào năm 2015, bà Thủy có 02 người con tên ông Ngô Vũ N1 và ông Ngô Vũ K, được hưởng thừa kế chuyển tiếp đối với phần di sản bà Đinh Hoàng Thủy còn sống được hưởng. Đối với ông Ngô Việt N3 (chồng bà Thủy) không có yêu cầu đối với phần di sản nên không xem xét. Ông Đinh Hoàng Hùng chết vào năm 2014, ông Hùng có 03 người con tên ông Đinh Hoàng T2, ông Đinh Hoàng V2 và ông Đinh Hoàng G, được hưởng thừa kế chuyển tiếp đối với phần di sản ông Đinh Hoàng Hùng còn sống được hưởng. Do ông Đinh Hoàng G không có yêu cầu đối với phần di sản nên phần di sản được giao cho ông Đinh Hoàng T2, ông Đinh Hoàng V2 nhận. Ông Đinh Hoàng T2, ông Đinh Hoàng V2 và ông Đinh Hoàng G có quyền thỏa thuận phần di sản được hưởng của ông Đinh Hoàng Hùng nếu không thỏa thuận được có quyền khởi kiện thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật. Đối với bà Chung Thị M3 là vợ ông Đinh Hoàng Hùng không có yêu cầu trong vụ án nên không xem xét. Đối với bà Trịnh Thị B, bà Đinh Hoàng D2, bà Đinh Thị Tú C2 không có yêu cầu chia thừa kế trong vụ án này, nên kỷ phần bà B, bà D2, bà C2 được hưởng tạm giao cho ông P2 quản lý, khi nào những người này có yêu cầu nhận thì ông P2 có trách nhiệm giao lại, nếu không thỏa thuận được sẽ khởi kiện bằng vụ án khác. Như vậy, ông P2 có nghĩa vụ giao cho các đồng thừa kế có yêu cầu phân chia di sản được hưởng cụ thể như sau:

Ông Đinh Hoàng V1: 108.736.000 đồng.

Ông Đinh Hoàng T2 và ông Đinh Hoàng V2: 108.736.000 đồng.

Ông Ngô Vũ N1 và ông Ngô Vũ K: 108.736.000 đồng.

Bà Đinh Hoàng P1: 108.736.000 đồng.

Ông Đinh Hoàng D1: 108.736.000 đồng.

Ông Đinh Hoàng T1: 108.736.000 đồng.

Ông Đinh Hoàng L1: 108.736.000 đồng.

Ông Đinh Hoàng H1: 108.736.000 đồng.

Ông P2 và bà N2 được tiếp tục quản lý sử dụng đối với phần đất diện tích 19.823,38m² là di sản của ông Cháp để lại. Do không buộc giao đất nên không cần thiết phải huỷ phần điều chỉnh trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Trịnh Thị B, ông Đinh Hoàng P2 theo yêu cầu của các nguyên đơn.

[8] Về chi phí tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm ông V1 thống nhất nếu chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn thì nguyên đơn đồng ý chịu chi phí tố tụng. Do đó, phần chi phí đo đạc 16.307.000 đồng, án sơ thẩm buộc các nguyên đơn chịu là phù hợp. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ trong giai đoạn phúc thẩm 400.000 đồng, ông V1 phải chịu (đã nộp xong).

[9] Từ nhận định trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo ông Đinh Hoàng T2, ông Đinh Hoàng V2, ông Ngô Vũ N1, ông Ngô Vũ K, bà Đinh Hoàng P1, ông Đinh Hoàng D1, ông Đinh Hoàng T1, ông Đinh Hoàng L1 và ông Đinh Hoàng H1, ông Đinh Hoàng V1, sửa bản án sơ thẩm là phù hợp.

[10] Về án phí:

[10.1] Án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu được điều chỉnh lại theo quy định.

[10.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đinh Hoàng T2, ông Đinh Hoàng V2, ông Ngô Vũ N1, ông Ngô Vũ K, bà Đinh Hoàng P1, ông Đinh Hoàng D1, ông Đinh Hoàng T1, ông Đinh Hoàng L1 và ông Đinh Hoàng H1, ông Đinh Hoàng V1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng, đã dự nộp được chuyển thu.

[11] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đinh Hoàng T2, ông Đinh Hoàng V2, ông Ngô Vũ N1, ông Ngô Vũ K, bà Đinh Hoàng P1, ông Đinh Hoàng D1, ông Đinh Hoàng T1, ông Đinh Hoàng L1 và ông Đinh Hoàng H1, ông Đinh Hoàng V1.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số:35/2023/DS-ST ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn: Ông Đinh Hoàng T2, ông Đinh Hoàng V2, ông Ngô Vũ N1, ông Ngô Vũ K, bà Đinh Hoàng P1, ông Đinh Hoàng D1, ông Đinh Hoàng T1, ông Đinh Hoàng L1 và ông Đinh Hoàng H1, ông Đinh Hoàng V1.

Buộc ông Đinh Hoàng P2 có nghĩa vụ giao cho những người hưởng di sản thừa kế có yêu cầu gồm:

Ông Đinh Hoàng V1: 108.736.000 đồng.

Ông Đinh Hoàng T2 và ông Đinh Hoàng V2: 108.736.000 đồng.

Ông Ngô Vũ N1 và ông Ngô Vũ K: 108.736.000 đồng.

Bà Đinh Hoàng P1: 108.736.000 đồng.

Ông Đinh Hoàng D1: 108.736.000 đồng.

Ông Đinh Hoàng T1: 108.736.000 đồng.

Ông Đinh Hoàng L1: 108.736.000 đồng.

Ông Đinh Hoàng H1: 108.736.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Đinh Hoàng P2 chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng ông P2 còn phải chịu thêm khoản tiền của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Giao cho ông Đinh Hoàng P2 được quản lý sử dụng phần diện tích đất là di sản thừa kế của ông Chắp để lại theo đo đạc thực tế 19.823,38m² tại ấp Tân Hòa, xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được điều chỉnh biến động sang tên ông Đinh Hoàng P2.

(Kèm theo Bản trích đo hiện trạng ngày 26/7/2022 của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Cà Mau)

- Về chi phí tố tụng:

Chi phí đo đạc ông Đinh Hoàng T2, ông Đinh Hoàng V2, ông Ngô Vũ N1, ông Ngô Vũ K, bà Đinh Hoàng P1, ông Đinh Hoàng D1, ông Đinh Hoàng T1, ông Đinh Hoàng L1 và ông Đinh Hoàng H1, ông Đinh Hoàng V1 phải chịu 16.307.000 đồng, đã nộp xong.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ông Đinh Hoàng V1 phải chịu 400.000 đồng, đã nộp xong.

- Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đinh Hoàng V1 phải chịu 5.436.800 đồng. Ngày 27/12/2019, ông V1 đã dự nộp 1.000.000 đồng theo biên lai thu số 0003068, đối trừ ông V1 còn phải nộp tiếp 4.436.800 đồng.

Ông Đinh Hoàng T2 và ông Đinh Hoàng V2 phải chịu 5.436.800 đồng. Ngày 27/12/2019, ông T2 đã dự nộp 500.000 đồng theo biên lai thu số 0003063, ông V2 đã dự nộp 500.000 đồng theo biên lai thu số 0003062, đối trừ ông T2 và ông V2 còn phải nộp tiếp 4.436.800 đồng.

Ông Ngô Vũ N1 và ông Ngô Vũ K phải chịu 5.436.800 đồng. Ngày 27/12/2019, ông N1 đã dự nộp 500.000 đồng theo biên lai thu số 0003064, ông K đã dự nộp 500.000 đồng theo biên lai thu số 0003065, đối trừ ông K và ông N1 còn phải nộp tiếp 4.436.800 đồng.

Bà Đinh Hoàng P1 phải chịu 5.436.800 đồng. Ngày 27/12/2019, bà P1 đã dự nộp 1.000.000 đồng theo biên lai thu số 0003070, đối trừ bà P1 còn phải nộp tiếp 4.436.800 đồng.

Ông Đinh Hoàng D1 phải chịu 5.436.800 đồng. Ngày 27/12/2019, ông D1 đã dự nộp 1.000.000 đồng theo biên lai thu số 0003071, đối trừ ông D1 còn phải nộp tiếp 4.436.800 đồng.

Ông Đinh Hoàng T1 phải chịu 5.436.800 đồng. Ngày 27/12/2019, ông T1 đã dự nộp 1.000.000 đồng theo biên lai thu số 0003069, đối trừ ông T1 còn phải nộp tiếp 4.436.800 đồng.

Ông Đinh Hoàng L1 phải chịu 5.436.800 đồng. Ngày 27/12/2019, ông L1 đã dự nộp 1.000.000 đồng theo biên lai thu số 0003066, đối trừ ông L1 còn phải nộp tiếp 4.436.800 đồng.

Ông Đinh Hoàng H1 phải chịu 5.436.800 đồng. Ngày 27/12/2019, ông H1 đã dự nộp 1.000.000 đồng theo biên lai thu số 0003067, đối trừ ông H1 còn phải nộp tiếp 4.436.800 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đinh Hoàng T2, ông Đinh Hoàng V2, ông Ngô Vũ N1, ông Ngô Vũ K, bà Đinh Hoàng P1, ông Đinh Hoàng D1, ông Đinh Hoàng T1, ông Đinh Hoàng L1 và ông Đinh Hoàng H1, ông Đinh Hoàng V1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Ngày 08/3/2023, ông T2, ông V2, ông N1, ông K, bà P1, ông D1, ông T1, ông L1, ông H1, ông V1, mỗi người đã dự nộp 300.000 đồng theo các biên lai thu số: 0006323; 0006322; 0006321; 0006320 ; 0006319; 0006318; 0006317; 0006316; 0006315; 0006314 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được đối trừ chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập